

DỰ TOÁN THU - CHI ĂN BÁN TRÚ THÁNG 09.2020
Tiền ăn bán trú năm học 2020-2021

Số học sinh ăn bán trú : T9.1182 HS

ĐVT: Đồng

DỰ TOÁN CHI								Căn cứ tính
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền/ngày	Thành tiền tháng 09	Thành tiền/tháng 10	
I	Tiền ăn bán trú							
1	Nấu ăn bán trú				22.420.000	493.240.000		
	Ăn bán trú	Bữa	1.180	19.000	22.420.000	493.240.000		
TỔNG CHI						493.240.000		
DỰ TOÁN THU								
Số học sinh ăn bán trú (dự kiến)		ĐVT	Số lượng	Mức thu theo ngày tháng 09				
I	Tiền ăn bán trú							
	Chi phí trực tiếp	Suất		19.000				
	Thu tiền ăn 1 học sinh/tháng			19.000				

Hà Long, ngày tháng ... năm 2020

NGƯỜI LẬP

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC DUYỆT

Nguyễn Thị Thu Hằng



Nguyễn Bích Thủy

Nguyễn Thị Hằng

DỰ TOÁN THU - CHI THÁNG 10.2020

Tiền ăn bán trú năm học 2020-2021

Số học sinh ăn bán trú : 1120 HS/ 32 phòng ăn

ĐVT: Đồng

DỰ TOÁN CHI							Căn cứ tính
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền/ngày	Thành tiền/tháng	
I	Tiền ăn bán trú						
A	Chi trực tiếp : chi trả cho cơ sở cung cấp suất ăn				24.640.000	542.080.000	
1	Đặt cơm suất cho học sinh tại cơ sở chế biến suất ăn sẵn tại công ty cổ phần thực phẩm Megatech (Lô C3 - Khu 4 - Phường Hà Khẩu - Thành phố Hạ Long- Tỉnh Quảng Ninh)	Suất	1.120	22.000	24.640.000	542.080.000	Giá theo hợp đồng cung cấp dịch vụ
TỔNG CHI						542.080.000	
DỰ TOÁN THU							
Số học sinh ăn bán trú (dự kiến)		ĐVT	Số lượng	Mức thu theo ngày	Mức thu 01 tháng		
I	Tiền ăn bán trú						
	Chi phí trực tiếp	Suất	1	22.000	484.000		
	Thu tiền ăn 1 học sinh/tháng			22.000	484.000		

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thu Hằng

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bích Thủy

Hạ Long, ngày 14 tháng 10 năm 2020

PHÒNG GIÁO DỤC DUYỆT

Nguyễn Thị Thu Hằng

TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ KHẨU

DỰ TOÁN THU - CHI THÁNG 09.2020 Chi phí phục vụ tổ chức bán trú 2020 - 2021

Số học sinh ăn: 1182 hs ăn bán trú, bố trí 33 phòng ăn bán trú. (2 khu)

DỰ TOÁN CHI						Căn cứ tính
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền tháng 09	
1	Tiền thuê người nấu ăn				60.000.000	
	Nấu ăn	Người	12	5.000.000	60.000.000	Thực hiện theo Cv 2422/SGDĐT - KHTC ngày 16/09/2020, mức khoán thỏa thuận giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và người nấu ăn.
2	Tiền quản lý trông trưa và tổ chức ăn bán trú	1182 học sinh/35hs/phòng = 33 GVTT			117.876.000	Vận dụng NQ số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/07/2019 tại điểm a khoản 2 điều 10: Mức khoán theo thỏa thuận 1 tháng 22 buổi 3.671.360 đồng
	Tiền quản trưa	Người	33	150.000	108.900.000	(1.490.000 x 222%)/22 ngày = 150.354 làm tròn 150.000 đồng tương ứng 3h10 phút trông trưa
	Cán bộ quản lý bán trú	Người	2	150.000	6.600.000	(1.490.000 x 222%)/22 ngày = 150.354 làm tròn 150.000 đồng
	Y tế	Người	1	54.000	1.188.000	(1.490.000*80%) /22 ngày = 54.181 làm tròn 54.000 đồng
	Kế toán	Người	1	54.000	1.188.000	(1.490.000*80%) /22 ngày = 54.181 làm tròn 54.000 đồng
3	Chi gián tiếp (Để chi tại trường phục vụ HS ăn bán trú)				37.999.600	Thực hiện theo Cv 2422/SGDĐT - KHTC ngày 16/09/2020, mức khoán thỏa thuận giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và người nấu ăn.
3.1	Tiền gas	Bữa	22	1.000	25.960.000	Theo thực tế sử dụng
3.1	Điện, nước phục vụ ăn nghỉ buổi trưa				3.274.600	
3.1.1	Tiền điện phục vụ ăn ngủ	Phòng	33		1.673.000	1.948đ x 75kw/h x 3 h x 128 chiếc x 22 ngày = 1.234.000 1.948 đ x 40kw/h x 1 h x 256 chiếc x 22 ngày = 439.000
3.1.2	Tiền nước phục vụ bán trú	m3	110	14.560	1.601.600	Dự kiến 1 tháng dùng hết 5 khối x 22 ngày = 110 khối
3.2	Vật dụng tiêu hao				8.765.000	

3.2.1	Mua bổ sung, sửa chữa, dụng cụ hỏng (rổ, rá,)				950.000	
	Khẩu trang y tế	Hộp	5	50.000	250.000	Theo thực tế bình quân
	Bổi rửa bát, bồi đánh nồi,	Tháng	1	60.000	60.000	Theo thực tế bình quân
	Găng tay cao su	Đôi	26	20.000	520.000	Theo thực tế - báo giá có thuế
	Găng tay túi bóng	Hộp	10	12.000	120.000	Theo thực tế - báo giá có thuế
3.2.2	Dụng cụ vệ sinh, nước rửa bát, xà phòng, nước lau nhà				6.015.000	
	Dầu rửa bát	Chai	22	130.000	2.860.000	mỗi ngày 1 chai x 22 ngày = 22 chai
	Comfor 1 lần (800ml) giặt khăn mặt cho học sinh	Chai	17	68.000	1.156.000	2 phòng 1 chai
	Nước lau sàn nhà sunligh 1l lau nhà buổi trưa	Chai	33	39.000	1.287.000	Mỗi phòng 1 chai
	Ô mô giặt khăn	gói	17	36.000	612.000	2 phòng 1 gói
	Búi sắt	Cái	20	5.000	100.000	
3.2.3	Chi phí khác				1.800.000	
	Tiền chuyển com từ khu trung tâm ra khu lẻ	Tháng	1	1.800.000	1.800.000	Thỏa thuận
TỔNG CHI					215.875.600	
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh (dự kiến)			1.182			
1	Nội dung thu	ĐVT/HS	Mức thu T9			
2	Thu tiền người nấu ăn/tháng	Đồng	50.761			
3	Thu tiền trông trưa/tháng	Đồng	99.726			
3	Chi phí gián tiếp	Đồng	32.149			
	Cộng thu 1 học sinh/tháng	Đồng	182.636			
	Thu 1 học sinh/1 ngày	Đồng	8.302			
	Làm tròn	Đồng	8.300			

Xác nhận của phòng GD&ĐT

Nguyễn Thị Thu Hằng

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thu Hằng
Nguyễn Thị Thu Hằng

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bích Thủy
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HÀ KHÁI
Nguyễn Bích Thủy

TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ KHẨU

DỰ TOÁN THU - CHI THÁNG 10 Chi phí phục vụ tổ chức bán trú 2020 - 2021

T10. Số học sinh: 1120 hs ăn bán trú, bố trí 32 phòng ăn bán trú. (2 khu)

DỰ TOÁN CHI						Căn cứ tính
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền tháng 09	
1	Tiền quản lý trông trưa và tổ chức ăn bán trú				114.576.000	Vận dụng NQ số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/07/2019 tại điểm a khoản 2 điều 10: Mức khoán theo thỏa thuận 1 tháng 22 buổi 3.671.360 đ đồng
	Tiền quản trưa	Người	32	150.000	105.600.000	(1.490.000 x 222%)/22 ngày = 150.354 làm tròn 150.000 đồng
	Cán bộ quản lý bán trú	Người	2	150.000	6.600.000	(1.490.000 x 222%)/22 ngày = 150.354 làm tròn 150.000 đồng
	Y tế	Người	1	54.000	1.188.000	(1.490.000*80%)/22 ngày = 54.181 làm tròn 54.000 đồng
	Kế toán	Người	1	54.000	1.188.000	(1.490.000*80%)/22 ngày = 54.181 làm tròn 54.000 đồng
2	Chi gián tiếp (Để chi tại trường phục vụ HS ăn bán trú)	1120 học sinh/35hs/phòng = 32 GVTT			12.410.400	Thực hiện theo Cv 2422/SGDĐT - KHTC ngày 16/09/2020, mức khoán thỏa thuận giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và người nấu ăn.
2.1	Điện, nước phục vụ ăn nghỉ buổi trưa				3.274.600	
2.1.1	Tiền điện phục vụ ăn ngủ	Phòng	32	52.281	1.673.000	1.948đ x 75kw/h x 3 h x 128 chiếc x 22 ngày = 1.234.000 1.948 đ x 40kw/h x 1 h x 256 chiếc x 22 ngày = 439.000
2.1.2	Tiền nước phục vụ bán trú	m3	110	14.560	1.601.600	Dự kiến 1 tháng dùng hết 5 khối x 22 ngày = 110 khối
2.2	Dụng cụ vệ sinh, nước rửa bát, xà phòng, nước lau nhà				8.000.000	
	Nước rửa tay lifeboy (Chai 500nl)	Chai	32	68.000	2.176.000	mỗi ngày 1 phòng 1 chai
	Comfor 1 lần (800ml) giặt khăn mặt cho học sinh	Chai	32	68.000	2.176.000	2 phòng 1 chai
	Nước lau sàn nhà sunligh 1l lau nhà buổi trưa	Chai	64	39.000	2.496.000	Mỗi phòng 2 chai
	Ô mô giặt khăn	gói	32	36.000	1.152.000	1 phòng 1 gói
2.3	Chi phí khác				1.135.800	

	Văn phòng phẩm (in phiếu thông báo, in danh sách thu các lớp: 900đ, giấy A4: 200đ+ mực in, đóng chứng từ: 60đ)	Tờ	1.262	900	1.135.800	
TỔNG CHI					126.986.400	
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh (dự kiến)			1.120			
	Nội dung thu	ĐVT/HS	Mức thu T10			
1	Thu tiền trông trưa/tháng	Đồng	102.300			
2	Chi phí gián tiếp	Đồng	11.081			
	Cộng thu 1 học sinh/tháng	Đồng	113.381			
	Thu 1 học sinh/1 ngày	Đồng	5.154			
	Làm tròn	Đồng	5.200			

Xác nhận của phòng GD&ĐT

NGƯỜI LẬP

HIỆU TRƯỞNG

Ng Thue Khin


Nguyễn Thị Thu Hằng


Nguyễn Bích Thủy

Trường tiểu học Hà Khẩu

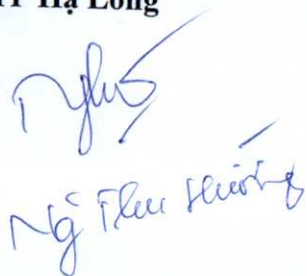
DỰ TOÁN THU - CHI
TIỀN LAO CÔNG DỌN VS, DỤNG CỤ VS, GIẤY VS
NĂM HỌC 2020 - 2021

Số học sinh: 1494 hs

DỰ TOÁN CHI						Thực hiện theo Cv 2422/SGDDĐT - KHTC ngày 16/09/2020
TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	
1	Chi tiền lao công	người	1	4.450.000	4.450.000	
2	Chi tiền lao công	người	1	5.000.000	5.000.000	
3	Sunlight (1l) lau sàn khi dọn lớp vào buổi chiều muộn hoặc sáng sớm	Chai	27	39.000	1.053.000	Trực thêm nhà vệ sinh buổi trưa
4	Vim tẩy (chai to)	Chai	27	42.000	1.134.000	
5	Găng tay cao su	Đôi	5	20.000	100.000	
6	Giấy vệ sinh cuộn to	Cuộn	44	52.000	2.288.000	
7	Chổi dễ	cái	10	15.000	150.000	
8	Túi bóng đen loại to (20kg)	kg	15	45.000	675.000	
9	Túi bóng 5 kg	kg	2,5	38.000	95.000	
Tổng cộng					14.945.000	
Số học sinh (dự kiến)			1.494			
	Tổng chi chia số học sinh/tháng				10.003	
	Làm tròn				10.000	

Xác nhận của Phòng GD&ĐT TP Hạ Long

Kế toán


Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hiệu trưởng


Nguyễn Bích Thủy

Trường tiểu học Hà Khẩu

DỰ TOÁN THU - CHI
TIỀN NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT PHỤC VỤ HỌC SINH NĂM HỌC 2020 - 2021

Số học sinh : 1.494

DỰ TOÁN CHI						Căn cứ tính * Tháng 2: Trung bình mỗi h/s tiêu thụ 0,17 l nước/ngày x 13 ngày = 2,21lít/tháng Tháng 2 toàn trường uống là: 2,21 lít x 1.494 hs =3.302/19 l = 174 bình * Tháng 9,10,3,4,5: Trung bình mỗi h/s tiêu thụ 0,39 l nước/ngày x 22 ngày = 8,58 l/tháng Một tháng uống là: 8,58 l x 1.494hs = 12.818 lít/19 l = 675 bình/tháng Tháng 9,10,3,4,5 toàn trường uống là: 675 bình x 5 tháng = 3.375 bình * Tháng 11,12,1: Trung bình mỗi h/s tiêu thụ 0,17 l nước/ngày x 22 ngày = 3,74 l/tháng Mỗi tháng uống là: 3,74 l x 1.494 hs = 5.588 l /19 l = 294 bình/ tháng Tháng 11,12,1 toàn trường uống là: 294 bình x 3 tháng = 882 bình Tổng số bình: 4.431 bình - 143 bình lấy ở các quỹ (TA, KNS, TH)= 4.288 bình Chi phí vận chuyển nước trả khoán: 1.300.000 đồng/ người x 3 người
ST T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	
1	Chi tiền nước cho nhà cung cấp	bình	4.288	28.000	120.064.000	
2	Chi phí vận chuyển lên các lớp	tháng	8,5	3.900.000	33.150.000	
TỔNG CHI					153.214.000	
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh (dự kiến)			1.494			
1	Tổng chi chia số học sinh				102.553	
2	Thu 01học sinh / 01tháng		12.065			
	Làm tròn		12.000			
Tổng thu = số học sinh x mức thu = tổng chi					152.388.000	

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thu Hằng

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bích Thủy

Ngày tháng năm 2020

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO PHÊ DUYỆT

Ngô Đức Hiền

TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ KHẨU

DỰ TOÁN THU - CHI
Mua sắm vật dụng dùng chung 2020 - 2021

Học sinh ăn bán trú: 258 hs

DỰ TOÁN CHI						Căn cứ vào biên bản kiểm kê đồ dùng bán trú năm học 2020 - 2021
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Thành tiền	
1	Giá phơi khăn mặt (11,5 kg x 132.000)	Cái	1	1.518.000	1.518.000	Công ty TNHH tâm phú cường - Giếng Đáy - Hạ Long
2	Tủ đựng chăn bán trú	Cái	2	2.800.000	5.600.000	Phạm Thị Hương Giang - Phường yết Kiều - TP Hạ Long
3	Xe đẩy cơm (26kg x135)	Cái	9	3.510.000	31.590.000	Công ty TNHH tâm phú cường - Giếng Đáy - Hạ Long
TỔNG CHI					38.708.000	
DỰ TOÁN THU						
Số học sinh (dự kiến)			258			
1	Tổng chi chia số hs				150.031	
	Làm tròn				150.000	
	Tổng thu			38.700.000		

Xác nhận của Phòng GD&ĐT TP Hạ Long

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người Lập

Nguyễn Thị Thu Hằng
Nguyễn Thị Thu Hằng

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Bích Thủy
Nguyễn Bích Thủy

PHÒNG GD&ĐT TP HẠ LONG
TRƯỜNG TH HÀ KHẨU

DỰ TOÁN THU - CHI

Đối với đề án dạy làm quen, tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh
có sự tham gia của giáo viên người nước ngoài cho học sinh các trường học từ năm học 2020 - 2021

Tổng số HS tham gia: 1401 học sinh, số HS bình quân mỗi lớp: 35 HS, học 02 tiết/tuần (08 tiết/01 tháng có 16 lớp), 1 tiết/tuần có 24 lớp)

DỰ TOÁN CHI								Ghi chú
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định Mức	Số lớp	Số tiền	Tỉ lệ %	
I	Chi trả cho cơ sở liên kết	Lớp	40			189.178.080	78%	Theo dự toán của cơ sở liên kết và biên bản thỏa thuận kinh phí nhà trường và cơ sở liên kết ngày 08/10/2020
II	Chi tại trường					48.507.209	22%	
1	Chi cho giáo viên trợ giảng					12.702.564	5,24%	
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Tiết	8	55.713	17	7.576.968		HDGV trợ giảng có hs lương TB 3,44: (3,44*1.490.000)/92 tiết/tháng = 55.713 đồng
	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Tiết	4	55.713	23	5.125.596		
2	Chi cho công tác quản lý					15.727.000	6,48%	
2,1	Chi Quản lý của Ban giám hiệu					6.327.000	2,61%	
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Giờ	3	74.000	17	3.774.000		Định mức chi = 1.490.000 *3,3*150% = 73.755 đ, làm tròn 74.000 đồng
	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Giờ	1,5	74.000	23	2.553.000		Định mức chi = 1.490.000 *3,2*150% = 73.755 đ, làm tròn 74.000 đồng
2,2	Chi cho giáo viên chủ nhiệm	Lớp	1	123.000	40	4.920.000	2,03%	Định mức chi = 1.490.000 *5,5*150% = 122.925 đ, làm tròn: 123.000
2,3	Kế toán	Người	1	56.000	40	2.240.000	0,92%	Định mức chi = 1.490.000 *2,5*150% =55.875đ, làm tròn 56.000

2,4	Thủ quỹ	Người	1	56.000	40	2.240.000	0,92%	Định mức chi = 1.490.000 *2.5%*150% =55.875đ, làm tròn 56.000
3	Chi điện, nước, vệ sinh lớp học	Lớp	22			1.120.028	2,81%	
3.1	Chi trả tiền điện sáng, điện quạt					456.092	0,18%	
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Buổi	8	2.506	17	340.816		Số giờ/buổi: (2 tiết/buổi*40p/tiết = 80 phút/buổi = 1,34 giờ/buổi; số điện dùng 1 giờ/ 1 phòng (điện sáng: 0,04kw/bóng x 12 bóng)+ (Quạt: 0,12kw/cái x 4 quạt)= 0,96 kw/h *1,34h/buổi*1.948 đồng/kw = 2.506 đồng
	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Buổi	4	1.253	23	115.276		Số giờ/buổi: (1 tiết/buổi*40p/tiết = 40 phút/buổi = 0,67giờ/buổi; số điện dùng 1 giờ/ 1 phòng (điện sáng: 0,04kw/bóng x 12 bóng)+ (Quạt: 0,12kw/cái x 4 quạt)= 0,96 kw/h *0,67h/buổi*1.948 đồng/kw = 1.253 đồng
3.2	Trả tiền nước sinh hoạt					663.936	0,28%	
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	m3	1,6	14.560	17	396.032		0,2m3/buổi/ phòng 35 học sinh x 8 buổi = 1,6m3
	Khối 3,4,5 (23 lớp)	m3	0,8	14.560	23	267.904		0,2m3/buổi/ phòng 35 học sinh x 4 buổi = 0,8m3
3.1	Vệ sinh lớp	Lớp			40	4.104.000	1,69%	
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Buổi	8	18.000	17	2.448.000		
	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Buổi	4	18.000	23	1.656.000		
3.3	Chi nước uống học sinh	Lớp				1.596.000	0,66%	1 lớp sử dụng 1 bình/tháng
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Bình	2	28.000	17	952.000		
	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Bình	1	28.000	23	644.000		
4	Chi khấu hao tài sản					8.550.000	3,53%	
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Phòng	1	300.000	17	5.100.000		
	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Phòng	1	150.000	23	3.450.000		
5	Chi hoạt động chuyên môn					4.275.000	1,76%	
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Lớp	1	150.000	17	2.550.000		

	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Lớp	1	75.000	23	1.725.000		
7	Chi khác					432.617	0,18%	
	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Lớp	1	15.301	17	260.117		
	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Lớp	1	7.500	23	172.500		
	Tổng cộng					237.685.289		
	Chi thuế					4.850.720	2%	
	Tổng chi					242.536.009	100%	
DỰ TOÁN THU								
	Nội dung thu	ĐVT	SL	Số tiết/tháng			7.952	
	Tổng số học sinh tham gia học (dự kiến)		1.401					
	Thu 1 học sinh/ tiết học					30.500		
1	Khối 1,2, 3A7 (17 lớp)	Tháng		8 tiết			244.000	587 hs *8 tiết
2	Khối 3,4,5 (23 lớp)	Tháng		4 tiết			122.000	814 hs*4 tiết

PHÒNG GD&ĐT PHÊ DUYỆT

KẾ TOÁN

Hạ Long, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Ngô Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thu Hằng



PHÒNG GD&ĐT TP HẠ LONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ KHẨU

DỰ TOÁN THU - CHI TÍN HỌC

Năm học 2020-2021

Tổng số HS tham gia: 831 học sinh, số HS bình quân mỗi lớp: 36 HS, học 02 tiết/tuần (08 tiết/01 tháng),

DỰ TOÁN CHI								Căn cứ tính
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Số lớp	Số tiền	Tỉ lệ %	
I	Chi trả nhà đầu tư					12.625.229	37,98%	Theo văn bản thỏa thuận ngày 15/10/2020 của nhà đầu tư với nhà trường.
1	Trả nhà đầu tư phòng mới	Tháng	1	368.723	23	8.480.629	25,51%	1 lớp x 495.811 đồng
2	Chi sửa chữa phòng máy	Tháng	1	180.200	23	4.144.600	12,47%	1 lớp x 232.578 đồng
II	Chi tại trường					19.953.180	62,02%	
1	Chi cho giáo viên giảng dạy	Tiết	8	45.600	23	8.390.400	25,24%	Theo mức lương tối thiểu vùng (NĐ90/2019), 23t/tuần đối với GV TH; =4.194.400/(23x4) = 45.591đ/tiết. Số tiết 1 tháng: 8 tiết x 16 lớp = 128 tiết
2	Chi cho quản lý					8.019.180	24,12%	
2,1	Chi Quản lý của Ban giám hiệu	Người	3	67.050	23	4.626.450	13,92%	Mức lương cơ sở x 3 x 150%
2,2	Chi cho giáo viên quản lí phòng máy	Người	1	49.170	23	1.130.910	3,40%	Mức lương cơ sở x 2.2 x 150%
2,3	Kế toán	Người	1	49.170	23	1.130.910	3,40%	Mức lương cơ sở x 2.2 x 150%
2,4	Thủ quỹ	Người	1	49.170	23	1.130.910	3,40%	Mức lương cơ sở x 2.2 x 150%
3	Chi điện, nước, vệ sinh lớp học					3.543.600	10,66%	
3,1	Chi điện, nước	Buổi	8	8.150	23	1.499.600	4,51%	
3,2	Chi vệ sinh lớp học	Buổi	27	14.000	2	756.000	2,27%	
3.3	Nước uống	Bình	2	28.000	23	1.288.000	3,87%	
	Tổng chi					32.578.409	98%	
Thuế (Tổng cộng x2)/98						664.865	2%	
Tổng chi						33.243.274	100%	

DỰ TOÁN THU							
Số học sinh tham gia dự kiến			831				
1	Thu 01 học sinh / 01 tiết học		5.000				
2	Thu 01 học sinh / 01 tháng		40.000				

PHÒNG GD&ĐT PHÊ DUYỆT

Hà Long, ngày
KẾ TOÁN

tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hằng



Nguyễn Bích Thủy

Nguyễn Thị Thu Hằng

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HALONGTECH**

Office: Tổ 49 khu 5 - Phường Hà Khẩu - TP. Hạ Long - T. Quảng Ninh

Tel: 0905369688

Email: Hieuhlqn@gmail.com ; Phanphoimaytinhnq@gmail.com

Website: www.halongtech.vn

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ SỬA CHỮA THIẾT BỊ PHÒNG TIN HỌC

Tên đơn vị: Trường Tiểu học Hà Khẩu

Địa chỉ: Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701293508

ĐVT: VNĐ

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Case máy vi tính Intel Pentium G3220 (3.0 Ghz/ 3Mb cache)/ Intel H81 single chip architecture Support 2-DIMM DDR3-1600/1333 up to 16G maximum capacity 1 x PCI-E x16 3.0 Slot, 5 x PCI-E x1 2.0 Slot, 2 x SATA3 Connector, 2 x SATA2 Connector 2 x PS/2, 2 x USB 3.0 Port, 2 x USB 2.0 Port, DVI Connector, VGA Port, RJ-45 Port, 3 Audio Connector. Ram DDR3 4Gb buss 1600	Chiếc	7	3.500.000	24.500.000
2	Màn hình máy tính 18,5" LED cũ	Chiếc	2	650.000	1.300.000
3	Chuột máy tính Coolerplus FC112	Chiếc	4	125.000	500.000
4	Bàn phím máy tính	Chiếc	3	150.000	450.000
5	Máy chủ CPU Intel® Pentium® Processor G2030 (3M Cache, 3.0 GHz) Main Server Intel DBS1200V3RPS- BOX (on tất , co PCI Express) – chạy DDR3 ECC, CPU HASWELL, Xeon V3/ Memory 8G - DDR3 - 1600 HDD 120GB / 2.5" / Read up to 450MB / Write up to 450MB / up to 85K IOPS/ LAN 10/100/1000 M	Chiếc	1	8.500.000	8.500.000
Cộng					35.250.000

* Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%

Hạ Long, ngày ... tháng ... năm 2020

Người lập

(Ký, họ tên)

Vũ Thị Thúy

DỰ TOÁN THU - CHI

Đề án dạy kỹ năng sống cho học sinh các trường học từ năm học 2020 - 2021

(Ban hành kèm theo đề án kỹ năng sống của trường tiểu học Hà Khẩu)

Tính cho 40 lớp/01tháng. Số học sinh bình quân mỗi lớp: 35 học sinh, học 01 tiết/tuần (04 tiết/01 tháng). Thời gian học 01 tháng tương ứng 03 giờ

Tổng số hs đăng ký học KNS: 1.412 hs

DỰ TOÁN CHI						Tỷ lệ %	Tổng tiền	Ghi chú
S T T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Định mức chi	Số lớp			
I	Chi trả cơ sở liên kết	Lớp	40			72%	60.998.400	Theo dự toán của cơ sở liên kết và biên bản thỏa thuận kinh phí nhà trường và cơ sở liên kết ngày 8/10/20
II	Chi tại nhà trường					28%		
1	Chi cho quản lý				40	14,88%	12.611.200	
2	Chi Quản lý của Ban giám hiệu (03 người)	Giờ	1,5	72.000	40	5,10%	4.320.000	Mức lương cơ sở x 3.2 x 150%
2	Chi cho giáo viên chủ nhiệm	Lớp	1	100.000	40	4,72%	4.000.000	Mức lương cơ sở x 4.5 x 150% = 1490000*4.5*150% = 100.575 , làm tròn: 100.000 đồng
2	Kế toán	Người	1	53.640	40	2,53%	2.145.600	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
2	Thủ quỹ	Người	1	53.640	40	2,53%	2.145.600	Mức lương cơ sở x 2.4 x 150%
2	Chi trả tiền điện, nước, vệ sinh				40	3,82%	3.240.480	
3	Chi trả tiền điện	Buổi	4	1.253	40	0,24%	200.480	Số giờ/buổi: (1 tiết/buổi*40p/tiết = 40 phút/buổi = 0,67giờ/buổi; số điện dùng 1 giờ/ 1 phòng (điện sáng: 0,04kw/bóng x 12 bóng)+ (Quạt: 0,12kw/cái x 4 quạt)= 0,96 kw/h *0,67h/buổi*1.948 đồng/kw = 1.253 đồng
	Trả tiền nước sinh hoạt	m3	0,8	14.560	40		465.920	0,2m3/buổi/ phòng 35 học sinh x 4 buổi = 0,8m3
3	Chi tiền nước uống	Bình	1	28.000	40	1,32%	1.120.000	
3	Chi tiền vệ sinh lớp học	Buổi	4	12.000	40	2,27%	1.920.000	
3	KH tài sản(Phòng học)	Phòng	1	115.000	40	5,43%	4.600.000	

CÔNG TY TNHH AWAKEN
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO KỸ NĂNG AWAKEN

DỰ TOÁN THU - CHI HỌC PHÍ KỸ NĂNG SỐNG
(Kèm theo đề án dạy kỹ năng sống cho học sinh tại trường Tiểu học Hà Khẩu)
Năm học 2020-2021

Tổng số HS tham gia: 1.412 học sinh, Chia 40 lớp/01 tháng, Số học sinh bình quân mỗi lớp : 35 học sinh , học 01 tiết/tuần (04 tiết/01 tháng)

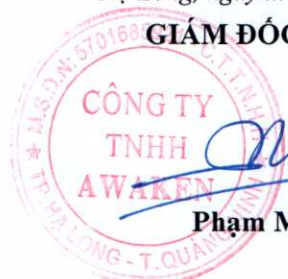
DỰ TOÁN THU					
STT	Nội dung thu	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ %	Tổng thu
1	Số tiền nhà trường chi trả cho cơ sở liên kết	Lớp	40	72%	60,998,400
DỰ TOÁN CHI					
STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ %	Thành tiền
1	Chi lương giáo viên	Người	4	30%	18,299,520
2	Chi phụ cấp trợ giảng và hoạt động khác	Người	4	0.5%	304,992
3	Chi phí điều hành hoạt động hệ thống (Văn phòng, Server, CSKH,...)	Tháng	1	12%	7,319,808
4	Chi phí quản lý trực tiếp	Người	5	25%	15,249,600
5	Chi phí thanh kiểm tra giám sát chất lượng	Người	4	15%	9,149,760
6	Chi phí đạo cụ, tài liệu học tập phục vụ giảng dạy cho giáo viên của trung tâm	Tháng	1	2%	1,219,968
7	Chi khen thưởng học sinh	Tháng	1	2%	1,219,968
8	Chi phí nghiên cứu, đào tạo nội bộ, tập huấn, nâng bậc giáo viên	Tháng	1	5%	3,049,920
9	Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị, tài sản cố định	Tháng	1	3%	1,829,952
10	Chi các khoản khác có liên quan: - Ngoại khóa - Đề kiểm tra - Tuyển sinh - Hội nghị - Tiếp khách - Công tác phí, tàu xe - Khoản chi cho lao động nữ - Tham gia các Hiệp hội	Tháng	1	5.5%	3,354,912
TỔNG CHI					60,998,400

Hà Long, ngày ... tháng ... năm 2020

KẾ TOÁN


N. Liên

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phạm Minh Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**THỎA THUẬN HỢP TÁC GIẢNG DẠY KỸ NĂNG SỐNG
VÀO HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA
NĂM HỌC 2020-2021**

(V/v Tỷ lệ thanh toán chi phí đào tạo hàng tháng)

Hôm nay, vào hồi ...h... ngày 8. tháng 10 năm 2020 tại trường Tiểu học Hà Khẩu.
Chúng tôi gồm:

BÊN A: TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ KHẨU

Địa chỉ: Tổ 39, Khu 4, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

Đại diện: Bà **Nguyễn Bích Thủy**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0906.162.184

Email: c1hakhaui.hl.quangninh@moet.edu.vn

Mã số thuế: 5701293508

BÊN B: CÔNG TY TNHH AWAKEN

Địa chỉ: Số nhà 36 tổ 2 khu 1A, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Đại diện: Bà **Phạm Minh Sơn**

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0942.459.168

Mã số thuế: 5701 685 921

Hai bên tiến hành lập biên bản thỏa thuận hợp tác giảng dạy Kỹ năng sống vào hoạt động ngoài giờ chính khóa năm học 2020-2021 với các nội dung như sau:

Điều 1: Bên A và bên B đồng ý thống nhất thực hiện việc liên kết đào tạo triển khai chương trình Đề án “Dạy kỹ năng sống vào hoạt động ngoài giờ chính khóa” tại trường tiểu học Hà Khẩu năm học 2020-2021.

Đối tượng là học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 của bên A.

Hình thức đăng ký học: Học sinh đăng ký tự nguyện.

Địa điểm học: Trường tiểu học Bãi Cháy, Tổ 39, Khu 4, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

Thời gian học: 40 phút/ tiết, Học 1 tiết/ tuần (04 tiết/tháng)

Thời gian thực hiện: Từ tháng 09/2020 đến hết tháng 05/2021

Học phí: 15.000 đồng/ tiết.



Giáo trình: Sách Bài tập thực hành kỹ năng sống cho học sinh tiểu học của NXB Dân Trí.

Số lượng học sinh tham gia: Theo thực tế học sinh đăng ký.

Cơ chế chi, nội dung chi và mức chi:

+ Về phía Trường tiểu học Hà Khẩu : 28% (Theo dự toán thu, chi gửi kèm)

+ Về phía Công ty TNHH Awaken: 72% (Theo dự toán thu, chi gửi kèm)

Điều 2: Bên B có trách nhiệm cử giáo viên của mình thực hiện việc giảng dạy Kỹ năng sống theo chương trình của Bên B đã được PGD&ĐT Hạ Long thẩm định và phê duyệt theo thời khóa biểu của nhà trường sắp xếp.

Điều 3: Về quyền và trách nhiệm của hai bên cũng như các thỏa thuận về tài chính và các vấn đề khác sẽ được quy định chi tiết trong Hợp đồng hợp tác giảng dạy giữa Bên A và Bên B sau khi được PGD&ĐT Hạ Long phê duyệt đề án.

Biên bản này là căn cứ để triển khai các bước tiếp theo và không có giá trị thay thế cho Hợp đồng hợp tác giảng dạy sẽ được ký kết giữa Bên A và Bên B.

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

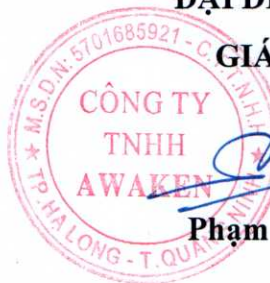
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Bích Thủy

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn

